

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai – Cán bộ hưu trí và ông Lý Tuấn Phong – Phó Bí thư thành đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh và ông Lê Tùng D - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 213/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/HSST-QĐ ngày 27/12/2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Phước T, sinh ngày 27/04/1996 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; chỗ ở: P, nhà nghỉ L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành X và bà Phan Kim M B; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Có 01 tiền án.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2016/HS-ST ngày 08/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 19/5/2017, chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa đóng án phí.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố L (có mặt).

2. Nguyễn Tổ Q, sinh ngày 24/02/2000 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nơi ở: P, nhà nghỉ L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Võ T1 và bà Lâm Thị Ngọc H; bị cáo chưa có chồng con; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố L (có mặt).

3. Nguyễn Thanh S (tên gọi khác: N) sinh ngày 31/10/1999 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố L (có mặt).

4. Đoàn Quốc Trường T3 (tên gọi khác: Thông Mông), sinh ngày 21/02/1983 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số B, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thanh D1 và bà Nguyễn Kim N1; bị cáo có vợ là Lê Thị D2 và có 02 con; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 209/2002/HS-ST ngày 20/12/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Đến ngày 30/4/2004, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2007/HS-ST ngày 25/01/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 22/9/2007, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2012/HS-ST ngày 31/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 30/8/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố L (có mặt).

5. Hồ Ngọc Văn T4, sinh ngày 21/5/2007 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số B, Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N2 và bà Nguyễn Thị Kim C; bị cáo chung sống như vợ chồng với Đoàn Kim A, sinh năm 2007, có 01 con chung sinh ngày 08/3/2024; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21 tháng 10 năm 2024 đến nay (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Hồ Ngọc Văn T4: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số B, Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc Văn T4: Trợ giúp viên pháp lý Phan Văn H1 – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị hại:

1. Võ Văn T5 sinh năm 1984, Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0914.545554. (vắng mặt)
2. Nguyễn Duy T6, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0784.928228. (vắng mặt)
3. Ngô Thanh T7, sinh năm 2003. Địa chỉ: P, nhà T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0946.336503. (vắng mặt)
4. Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số B, khóm T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. ĐT: 0377.616333. (vắng mặt)

Người làm chứng: Lê Quốc T8, Nguyễn Thái E; Trần Huỳnh Quốc K1. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Phước T và Nguyễn Tổ Q chung sống như vợ chồng. T, Q không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài T và Q bàn bạc đi tìm tài sản lấy trộm để bán có tiền tiêu xài. T, Q đã bàn bạc thực hiện tổng cộng 04 lần trộm xe mô tô của người khác. Trong đó, có 01 lần bàn bạc và thực hiện cùng với S. Sau khi trộm cắp được tài sản T liên hệ với T3 đến bán, T3 liên hệ với T4 (T3 là cậu vợ của T4) để đến nhận xe và đem đến huyện T bán 03 chiếc, đến huyện T bán 01 chiếc. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 01 tháng 3 năm 2024 T, Q và S bàn bạc đi tìm tài sản lấy trộm, S chuẩn bị đoản và cây lục giác. S chở T9 đi tìm tài sản lấy trộm. Đến “nhà máy X1”, phường M thấy xe Honda Future Fi biển số 67B1-137.33 của anh Võ Văn T5, bị cáo T trực tiếp lấy xe sau đó liên hệ với Thông qua số điện thoại có 03 số cuối 302 để T3 xem xe và thỏa thuận giá 2.000.000 đồng. T3 liên hệ với T9 để T9 đến nhà trọ của bị cáo thuộc phường M để T9 nhận xe, T3 trả cho các bị cáo 2.000.000 đồng. Bị cáo T4 mang xe đến huyện T, An Giang để giao cho người do T3 liên hệ trước đó.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ sáng ngày 02 tháng 3 năm 2024 T, Q bàn bạc tìm tài sản lấy trộm. Đến quán “Là G”, phường M thấy xe Honda Wave RSX Fi biển số 67AD - 076.53 của anh Ngô Thanh T7, bị cáo T trực tiếp lấy xe sau đó liên hệ với Thông qua số điện thoại có 03 số cuối 302 để T3 xem xe và thỏa thuận giá 2.500.000 đồng. T3 liên hệ với T9 để T9 đến công viên M để T4 nhận xe, T3 trả cho các bị cáo 2.500.000 đồng. Bị cáo T4 mang xe đến huyện T, An Giang để giao cho người do T3 liên hệ trước đó.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ sáng ngày 04 tháng 6 năm 2024 T, Q bàn bạc tìm tài sản lấy trộm. Đến quán “Càfe 67”, phường M thấy xe Honda Wave Alpha biển số 67M1 – 655.53 của anh Nguyễn Duy T6, bị cáo T trực tiếp lấy xe sau đó

liên hệ với Thông qua số điện thoại có 02 số cuối 59 để T3 xem xe và thỏa thuận giá 2.500.000 đồng. T3 liên hệ với T9 để T9 đến tuyến tránh L để T4 nhận xe, T3 trả cho các bị cáo 4.000.000 đồng. Bị cáo T4 mang xe đến huyện T, An Giang để giao cho người do T3 liên hệ trước đó.

Lần thứ tư: Khoảng 03 giờ sáng ngày 08 tháng 6 năm 2024 T, Q bàn bạc tìm tài sản lấy trộm. Đến “nhà trọ A”, phường M thấy xe Honda Future Fi biển số 65F1 – 516.01 của anh Nguyễn Phước Đ, bị cáo T trực tiếp lấy xe sau đó liên hệ với Thông qua số điện thoại có 02 số cuối 59 để T3 xem xe và thỏa thuận giá 4.500.000 đồng. T3 liên hệ với T9 để T9 đến tuyến tránh L để T4 nhận xe, T3 trả cho các bị cáo 4.500.000 đồng. Bị cáo T4 mang xe đến huyện T, An Giang để giao cho người do T3 liên hệ trước đó.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 02 (hai) mũ bảo hiểm màu xanh; 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng xanh; 01 (một) áo thun màu xám; 01 áo khoác màu xám; 02 (hai) đôi dép màu đen; 01 (một) đôi dép quai ngang màu trắng hồng; 01 (một) nón kết màu đen bị cáo T, Q

- 01 (một) cục sạc dự phòng màu trắng xanh hiệu AVA; 02 (hai) cục sạc dự phòng màu đen; 03 (ba) cục sạc màu trắng kèm theo dây sạc; 01 (một) đồng hồ màu trắng mặt có chữ D&G; 01 (một) túi xách màu đen hiệu NIKE có dây đeo; 01 (một) chìa khóa màu đen hiệu Honda của bị cáo T.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Viestar, màu đỏ, biển số 67B1 – 835.25; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B1 – 835.25 của Lê Thị D2.

Tại kết luận định giá tài sản số 1243/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi màu đen vàng xám, biển số 67B1-137.33, trị giá: 15.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản 1335/KL-HDDGTS ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX Fi màu trắng đen, biển số 67AD-076.53, trị giá 25.650.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản 1337/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh đen bạc, biển số 67M1-655.53 trị giá 11.265.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 1333/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi màu xanh bạc biển số 65F1-516.01, trị giá 20.085.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKSLX-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố đối với Phạm Phước T, Nguyễn Tô Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với

Nguyễn Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với Đoàn Quốc Trường T3, Hồ Ngọc Văn T4 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và phiên tòa các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q, Nguyễn Thanh S, Hồ Ngọc Văn T4 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Riêng bị cáo Đoàn Quốc Trường T3 không khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt và xin bồi thường 50% giá trị tài sản thiệt hại.

Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối các với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Phước T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tổ Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Bị cáo Đoàn Quốc Trường T3 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 17, Điều 58, Điều 101, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Ngọc Văn T4 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) mũ bảo hiểm màu xanh; 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng xanh; 01 áo thun màu xám; 01 (một) áo khoác màu xám; 02 đôi dép màu đen; 01 đôi dép quai ngang màu trắng hồng; 01 (một) nón kết màu đen bị cáo T, Q không yêu cầu nhận lại.

Trả lại cho Lê Thị D2 01 (một) xe mô tô hiệu Viestar, màu đỏ, biển số 67B1 – 835.25; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B1 – 835.25 do không liên quan đến vụ án.

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) cục sạc dự phòng màu trắng xanh hiệu AVA; 02 (hai) cục sạc dự phòng màu đen; 03 (ba) cục sạc màu trắng kèm theo dây sạc; 01 (một) đồng hồ màu trắng mặt có chữ D&G; 01 (một) túi xách màu đen hiệu NIKE có dây đeo; 01 (một) chìa khóa màu đen hiệu Honda.

- Trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường như sau:

+ Các bị cáo T, Q, S, T3, T4 liên đới bồi thường cho ông Võ Văn T5 15.000.000 đồng. (Theo kết luận định giá tài sản)

+ Các bị cáo T, Q, T3, T4 liên đới bồi thường cho: ông Nguyễn Duy T6 11.265.000 đồng; ông Nguyễn Phước Đ 20.085.000; ông Ngô Thanh T7 25.650.000 đồng. (Theo kết luận định giá tài sản)

Các bị cáo T, Q, S, T4 không bào chữa và tranh luận gì khác, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo T3 xin giảm nhẹ hình phạt, xin được bồi thường 50% giá trị thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tố Q, Nguyễn Thanh S, Hồ Ngọc Văn T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo T, Q chung sống như vợ chồng không có nghề nghiệp nên bàn bạc với nhau tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu sài. Lời khai nhận tội của các bị cáo khác là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

Riêng bị cáo Đoàn Quốc Trường T3 không khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo T, Q, S, T4 đều khai rõ và phù hợp nhau về vai trò của bị cáo T3 đối với hành vi tiêu thụ 04 xe mô tô sau khi các bị cáo

trộm được. Lời khai của bị cáo T4 và T phù hợp sau về số điện thoại bị cáo Thông sử dụng có số cuối là 302 và 59 khi bị cáo Thiện điện để bán xe sau khi trộm được, bị cáo T3 điện cho T4 nhận xe đem đi bán. Quá trình điều tra, qua các biên bản nhận dạng các bị cáo đều nhận dạng ra T3 là người mua xe sau khi các bị cáo trộm được. Tại phiên tòa bị cáo T3 đề nghị được bồi thường cho các bị hại $\frac{1}{2}$ thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo T3 không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đủ căn cứ xác định bị cáo T3 đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại nhà máy X1", phường M các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q, Nguyễn Thanh S đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi màu đen vàng xám, biển số 67B1-137.33, trị giá 15.000.000 đồng của anh Võ Văn T5. T liên hệ bán cho Đoàn Quốc Trường T3. Thông biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn điện thoại liên hệ thuê T4 đem đi tiêu thụ. Tỉ biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn chạy đến huyện T giao cho người mà T3 liên hệ trước đó.

Ngày 02 tháng 3 năm 2024, tại quán "Là G", phường M các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX Fi màu trắng đen, biển số 67AD-076.53, trị giá 25.650.000 đồng của anh Ngô Thanh T7. T liên hệ bán cho Đoàn Quốc Trường T3. Thông biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn điện thoại liên hệ thuê T4 đem đi tiêu thụ. Tỉ biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn chạy đến huyện T giao cho người mà T3 liên hệ trước đó.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại quán "C", phường M các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh đen bạc, biển số 67M1-655.53, trị giá 11.265.000 đồng của anh Nguyễn Duy T6. T liên hệ bán cho Đoàn Quốc Trường T3. Thông biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn điện thoại liên hệ thuê T4 đem đi tiêu thụ. Tỉ biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn chạy đến huyện T giao cho người mà T3 liên hệ trước đó.

Ngày 08 tháng 6 năm 2024, tại "nhà trọ A", phường M các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi màu xanh bạc biển số 65F1-516.01, trị giá 20.085.000 đồng của anh Nguyễn Phước Đây T10,. T10 liên hệ bán cho Đoàn Quốc Trường T3. Thông biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn điện thoại liên hệ thuê T4 đem đi tiêu thụ. Tỉ biết rõ xe này do trộm cắp mà có nhưng vẫn chạy đến huyện T giao cho người mà T3 liên hệ trước đó.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo T10, Q lấy trộm 04 xe mô tô trị giá là 72.000.000 đồng. Trong đó bị cáo S cùng bị cáo T10, Q lấy trộm 01 xe mô tô trị giá 15.000.000. Các bị cáo T3, T4 đã thực hiện hành vi tiêu thụ 04 xe mô tô trị giá là 72.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q đã phạm tội

"Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù. Bị cáo Nguyễn Thanh S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù. Bị cáo Đoàn Quốc Trường T3, Hồ Ngọc Văn T4 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Đối với những người do bị cáo T3 liên hệ để bị cáo T4 giao xe tại huyện T, T do chưa rõ nhân thân nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền tài sản của người khác, vì động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài, nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử lý thật nghiêm minh với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Hồ Ngọc Văn T4 khi thực hiện hành vi phạm tội là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Bị cáo T, T3 lẽ ra sau khi chấp hành xong bản án án, khi hòa nhập với đời sống xã hội phải hoàn lương, lao động tích cực, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, bị cáo T rủ rê các bị cáo Q, S thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo T3 lại lôi kéo xúi giục T4 là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tố Q, Đoàn Quốc Trường T3, Hồ Ngọc Văn T4 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T3 bị áp dụng thêm tình tiết: Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2016/HS-ST ngày 08/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đến ngày 19/5/2017, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù, nhưng bị cáo chưa đóng án phí nên chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo T bị áp dụng thêm tình tiết: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, Q, S, T4 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy: Bị cáo T là người rủ rê các bị cáo Q, S thực hiện hành vi phạm tội nên mức án của bị cáo T sẽ cao hơn bị cáo Q. Bị cáo Q nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên mức án bị cáo Q cao hơn bị cáo S. Đối với hành vi của T3 và T4 mặc dù có vai trò đồng phạm, nhưng T3 không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, lại lôi kéo xúi giục bị cáo T4 là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên mức án bị cáo T3 cao hơn bị cáo T4. Đồng thời, tại thời điểm phạm tội bị cáo T4 là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên có xem xét áp dụng mức hình phạt tù không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy định, đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng sẽ bị tịch thu tiêu hủy. Trả lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Phước T, Nguyễn Tổ Q, Nguyễn Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Đoàn Quốc Trường T3, Hồ Ngọc Văn T4 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Phước T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 09/6/2024).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tổ Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 09/6/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/5/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc Trường T11 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/8/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ

sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc Văn T4 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) mũ bảo hiểm màu xanh; 01 áo thun tay ngắn màu trắng xanh; 01 áo thun màu xám; 01 (một) áo khoác màu xám; 02 (hai) đôi dép màu đen; 01 (một) đôi dép quai ngang màu trắng hồng; 01 (một) nón kết màu đen. Trả lại cho Lê Thị D2: 01 (một) xe mô tô hiệu Viestar, màu đỏ, biển số 67B1 – 835.25; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B1 – 835.25. Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) cục sạc dự phòng màu trắng xanh hiệu AVA; 02 (hai) cục sạc dự phòng màu đen; 03 (ba) cục sạc màu trắng kèm theo dây sạc; 01 (một) đồng hồ màu trắng mặt có chữ D&G; 01 (một) túi xách màu đen hiệu NIKE có dây đeo; 01 (một) chìa khóa màu đen hiệu Honda. (Đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/12/2024, 08/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo T, Q, S, T11, T4 liên đới bồi thường cho ông Võ Văn T5 15.000.000 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo bằng nhau, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 3.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo T, Q, T11, T4 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Duy T6 11.265.000 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo bằng nhau, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 2.816.250 đồng.

Buộc các bị cáo T, Q, T11, T4 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ 20.085.000 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo bằng nhau, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 5.021.250 đồng.

Buộc các bị cáo T, Q, T11, T4 liên đới bồi thường cho ông Ngô Thanh T7 25.650.000 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo bằng nhau, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 6.412.500 đồng.

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo T, Q, S, T11, T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo T, Q, T11, T4 mỗi bị cáo có trách nhiệm nộp án phí Dân sự là: 1.221.075 đồng. Bị cáo S có trách nhiệm chịu án phí Dân sự là: 300.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo T4, người bào chữa cho bị cáo T4 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Công an thành phố Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an thành phố Long Xuyên;
- Nhà tạm giữ - Công an thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt